

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|--|---|--|
| 1. Tính đầy đủ của E-HSDT | | |
| Tính đầy đủ của E-HSDT | Có đủ các tài liệu theo yêu cầu tại mục E-CDNT 10.8, Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu. | Đạt |
| | Không có đủ các tài liệu theo yêu cầu tại mục E-CDNT 10.8, Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu. | Không đạt |
| 2. Phạm vi cung cấp | | |
| Chủng loại hàng hóa | Đúng chủng loại được nêu tại Chương V, Phần II của E-HSMT | Đạt |
| | Không đúng chủng loại được nêu tại Chương V, Phần II của E-HSMT | Không đạt |
| Số lượng từng chủng loại | Đáp ứng đầy đủ yêu cầu về số lượng được nêu tại chương IV, mẫu 01A Phạm vi cung cấp và Chương V, Phần II của E-HSMT. | Đạt |
| | Không đáp ứng đầy đủ yêu cầu về số lượng được nêu tại chương IV, mẫu 01A Phạm vi cung cấp của E-HSMT. | Không đạt |
| 3. Yêu cầu về hàng hóa cung cấp | | |
| 3.1 Tài liệu, giấy tờ liên quan đến hàng hóa | Có đầy đủ: Catalogue, bảng thông số kỹ thuật các hàng hóa (thiết bị) chào thầu trong HSDT | Đạt |
| | Không có đầy đủ tài liệu, giấy tờ cho toàn bộ hàng hóa (thiết bị) kèm trong HSDT | Không đạt |
| 3.2 Thông số kỹ thuật của hàng hóa | Đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mặt kỹ thuật của hàng hóa (thiết bị) cung cấp được nêu trong chương V, phần II của E-HSMT (Nhà thầu phải có bảng đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu theo Quy định tại Chương V E-HSMT). | Đạt |

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|---|---|--|
| | Hàng hóa không đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Chương V của E-HSMT hoặc Nhà thầu không có có bảng đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu theo Quy định tại Chương V E-HSMT | Không đạt |
| 3.3 Giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa | <ul style="list-style-type: none"> - Có đề xuất phương án đảm bảo chất lượng đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật về điều kiện bảo quản của hàng hóa trong lúc vận chuyển → lưu kho → bàn giao cho đơn vị sử dụng. - Có thuyết minh tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa đầy đủ, phù hợp với đề xuất về tiến độ. - Có quy trình chi tiết lắp đặt, vận hành thiết bị (khảo sát, cung cấp, lắp đặt, cài đặt cấu hình, cài đặt phần mềm, chạy thử, kiểm tra, hiệu chỉnh). - Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự, nêu rõ trách nhiệm của từng bộ phận. - Biện pháp vận chuyển không làm hư hỏng hoặc phát sinh nguy cơ hư hỏng đối với các hạng mục hoàn thiện đã có của công trình. | Đạt |
| | Không có đầy đủ các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế. | Không đạt |
| 3.4 Hồ sơ quản lý chất lượng hàng hóa | Có đề xuất quy trình nghiệm thu hàng hóa phù hợp với quy định hiện hành | Đạt |
| | Không có đề xuất quy trình nghiệm thu hoặc đề xuất quy trình nghiệm thu không phù hợp quy định hiện hành. | Không đạt |
| 3.5 Tiến độ cung cấp, thời gian thực hiện hợp đồng | Có bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT (Bảng tiến độ chi tiết với từng mốc thời gian cụ thể | Đạt |

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|---|--|--|
| | về tập kết hàng, giao hàng, hướng dẫn sử dụng và nghiệm thu bàn giao hàng hóa). Tiến độ cung cấp hàng hóa ≤ 120 ngày. | |
| | Không có bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hoặc có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật hoặc bảng tiến độ không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. Tiến độ cung cấp hàng hóa > 120 ngày. | Không đạt |
| 3.6 Cam kết chất lượng | Nhà thầu có cam kết khi thực hiện hợp đồng Trong trường hợp cần thiết chủ đầu tư sẽ lựa chọn 1 số sản phẩm bất kỳ mà nhà thầu cung cấp mang đi kiểm nghiệm để kiểm tra chất lượng của hàng hóa, Trường hợp hàng hóa không đạt chất lượng chủ đầu tư sẽ hủy hợp đồng. | Đạt |
| | Nhà thầu không có cam kết | Không đạt |
| 4. Chế độ bảo hành, bảo trì | | |
| 4.1 Thời gian bảo hành hàng hóa là thiết bị | Tối thiểu 12 tháng kể từ khi 2 bên ký biên bản bàn giao, nghiệm thu | Đạt |
| | Ít hơn 12 tháng kể từ khi 2 bên ký biên bản bàn giao, nghiệm thu | Không đạt |
| 4.2 Chế độ bảo trì hàng hóa là thiết bị. | ≥ 02 lần trong thời gian bảo hành Có chương trình bảo hành, bảo trì gồm đầy đủ các nội dung: Thời hạn, điều kiện bảo hành, bảo trì | Đạt |
| | < 02 lần trong thời gian bảo hành Không có chương trình bảo hành, bảo trì hoặc có nhưng không đầy đủ các nội dung theo yêu cầu. | Không đạt |
| 4.3 Kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì | - Đề xuất kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì; năng lực cung cấp các dịch vụ sau bán hàng; cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế; khả năng lắp đặt thiết bị, | Đạt |

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|---|--|--|
| | <p>hàng hoá phù hợp gói thầu.</p> <p>- Nhà thầu phải có thuyết minh về địa chỉ, số điện thoại thường trực để bảo hành, bảo trì, cam kết sẵn sàng đáp ứng ngay khi có yêu cầu của đơn vị sử dụng. Có số Hotline trực 24/24 giờ</p> | |
| | Không đáp ứng 1 trong các yêu cầu đã nêu. | Không đạt |
| 5. Yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa | | |
| Yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa | Nhà thầu có trình bày về mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa. Cam kết cung cấp đầy đủ vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa trong thời gian ≥ 5 năm | Đạt |
| | Nhà thầu không trình bày về mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa. Hoặc Không có cam kết cung cấp đầy đủ vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa trong thời gian ≥ 5 năm | Không đạt |
| 6. Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường | | |
| Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường | Nhà thầu có cam kết thiết bị cung cấp thích ứng về địa lý, môi trường tại Việt Nam | Đạt |
| | Nhà thầu không có cam kết thiết bị cung cấp thích ứng về địa lý, môi trường tại Việt Nam | Không đạt |

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|--|--|--|
| 7. Tác động của môi trường đối với thiết bị và biện pháp giải quyết | | |
| | Có thuyết minh về Tác động của môi trường đối với thiết bị và biện pháp giải quyết | Đạt |
| | Không có thuyết minh về Tác động của môi trường đối với thiết bị và biện pháp giải quyết | Không đạt |
| 8. Các yếu tố về điều kiện thương mại, đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng | | |
| Các yếu tố về điều kiện thương mại, đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng | Nhà thầu nêu các yếu tố về điều kiện thương mại, đào tạo chuyển giao công nghệ (nếu có), cung cấp các dịch vụ sau bán hàng; | Đạt |
| | Nhà thầu không nêu đầy đủ các yếu tố về điều kiện thương mại, đào tạo chuyển giao công nghệ (nếu có), cung cấp các dịch vụ sau bán hàng; | Không đạt |

-(1) Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chuẩn được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá ở bước tiếp theo.